

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HS-ST
Ngày 11-8-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nông Biên Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lâm Ngọc Thạch.

Ông Đàm Văn Sự.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Hoài Anh, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thiêm, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 640/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 7 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trương Văn T** (Tên gọi khác: không), sinh ngày 09 tháng 8 năm 1979 tại xã Q, huyện K, Cao Bằng;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 3/12 phổ thông; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Kh (đã chết) và bà Ngô Thị M, sinh năm 1955; vợ: Nông Thị K, sinh năm 1982 ; con: Có 02 con; tiền án, tiền sự: không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/3/2021 đến ngày 16/6/2021; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Dạ Thảo - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng bào chữa cho bị cáo theo Quyết định cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao Bằng; có mặt

- *Người làm chứng:*

1. Trương Văn B, sinh năm 1981

2. Trương Tuấn A, sinh năm 2002

Cùng trú tại: Xóm L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng; Đều có mặt.

3. Trần Văn L, sinh năm 2003

4. Nguyễn Văn H, sinh năm 1970

5. Tạ Thị Th, sinh năm 1983

Cùng trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái.

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 20 giờ 00 phút ngày 23/01/2021, Công an huyện K đang làm nhiệm vụ tại tổ 1, thị trấn T, huyện K, tỉnh Cao Bằng phát hiện Trương Văn B (sinh năm 1981, trú tại xóm L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade màu đỏ đen, biển kiểm soát 11B1- 205xx chở theo sau là Trần Văn L (sinh năm 2003, trú tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái) có biểu hiện nghi vấn xuất cảnh trái phép. Mở rộng truy xét, tổ công tác phát hiện thêm Nguyễn Văn H (sinh năm 1970) và Tạ Thị Th (sinh năm 1983) cùng trú tại thôn Đ, xã M, huyện Y, tỉnh Yên Bái đang đợi người đến đón để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và đưa các đối tượng về trụ sở để điều tra làm rõ. Xét thấy vụ việc có dấu hiệu tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” Công an huyện K đã chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền.

Mở rộng điều tra vụ án đã xác định được như sau: Năm 2019, Trương Văn T (sinh năm 1979, trú tại L, xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng) xuất cảnh trái phép sang Quảng Đông, Trung Quốc lao động làm thuê thì quen biết một người đàn ông Trung Quốc tên là L1 (không rõ địa chỉ). Đến khoảng tháng 01/2021, T được L1 giới thiệu cho một người đàn ông Việt Nam dùng tài khoản Wechat “Bin”, khi nói chuyện “Bin” biết T là người sinh sống ở khu vực biên giới nên đặt vấn đề thuê T đón và dẫn đường đưa công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực mốc 732 thuộc xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng, hứa trả 200 CNY (nhân dân tệ)/người, T đồng ý. Khoảng 10 giờ ngày 23/01/2021, “Bin” gửi cho T hai số

điện thoại của những người có nhu cầu xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để liên lạc đưa đón người. Khoảng 19 giờ cùng ngày, T nhận được cuộc gọi từ một trong hai số điện thoại mà “Bin” đã gửi hẹn đón tại thị trấn T. Vì đang bị đau chân không đi được xe máy nên T bảo con trai là Trương Tuấn A (sinh năm 2002) và em trai Trương Văn B đi đón người đưa về nhà của T tại xóm L, xã Q, huyện K, T hứa sẽ cho Tuấn A 300 nghìn đồng, cho B 500 nghìn đồng. T có gửi cho B số điện thoại của khách để liên lạc. Mục đích T đưa người về nhà là để đợi khi nhận được thông báo của “Bin” sẽ dẫn đường cho các công dân trên xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc và nhận tiền công. Sau đó, B, Tuấn A mỗi người điều khiển một xe máy đi ra thị trấn đón người. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, B nhận được điện thoại từ một người nói đang ở thị trấn T, theo chỉ dẫn của người này, B điều khiển xe máy theo đoạn đường hướng đi xã Q thì thấy có 03 người là Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Tạ Thị Th đang đi bộ trên đường mang theo hành lý cá nhân nên đã chủ động vào hỏi và xác định được đây là những người T bảo đón, sau đó B gọi điện thoại thông báo cho Tuấn A đến chờ người, còn B điều khiển xe máy Honda Blade màu đỏ đen biển kiểm soát 11B1-205xx chở L đi trước, vừa đi được khoảng 200m thì bị công an huyện K phát hiện ngăn chặn.

Hành vi của Trương Văn T đã bị Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép.

Tại bản cáo trạng số 88/CTr-VKSCB-P1 ngày 01-7-2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Trương Văn T về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu ở trên và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo về tội Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép là đúng.

Những người làm chứng Trương Tuấn A, Trương Văn B khai nhận được Trương Văn T thuê đến thị trấn T để đón người, T hứa sẽ cho Tuấn A 300 nghìn đồng, cho B 500 nghìn đồng, tuy nhiên B và Tuấn A không biết mục đích T đón những người này về nhà để làm gì.

Quá trình điều tra, những người làm chứng Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Tạ Thị Th khai nhận đều muốn sang Trung Quốc làm thuê nên ngày 23-01-2021 đã lên Cao Bằng rồi được một nam thanh niên (không biết tên) đón ở bến xe khách thành phố Cao Bằng chở vào thị trấn T, huyện K. Chờ đến khoảng 19 giờ, tiếp tục nhận

được một cuộc điện thoại của một nam thanh niên hướng dẫn đến điểm hẹn và được chở xe máy từ thị trấn T đến Q để xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội đánh giá các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo khẳng định quyết định truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Trương Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật và vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Trương Văn T về tội danh, điều luật đã viện dẫn nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”; về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 57 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Văn T từ 24 (hai mươi tư) đến 30 (ba mươi) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng.

Người bào chữa Nguyễn Thị Dạ Thảo trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX xem xét: Bị cáo chỉ là người được thuê dẫn đường từ thị trấn T vào mốc biên giới; bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt; ngày 24/02/2021 khi cơ quan Công an gọi hỏi, bị cáo đã tự nguyện khai báo, đề nghị xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết phạm tội tự thú tại điểm r khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn; thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Đề nghị HĐXX xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức hình phạt hình phạt 12 tháng tù.

Bị cáo Trương Văn T không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Trương Văn T và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Xét lời khai nhận tội của bị cáo Trương Văn T tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với biên bản làm việc do Công an thị trấn T lập hồi 20 giờ 15 phút ngày 23/01/2021; bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản hỏi cung có sự tham gia của Kiểm sát viên; phù hợp Biên bản trích xuất dữ liệu điện tử là chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc đưa đón người xuất cảnh trái phép; phù hợp với lời khai của Trương Tuấn A, Trương Văn B là những người được bị cáo thuê đi đón người xuất cảnh trái phép; phù hợp với lời khai của người làm chứng Nguyễn Văn H, Trần Văn L, Tạ Thị Th cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Xét các tài liệu chứng cứ trên phù hợp nhau về động cơ, mục đích phạm tội của bị cáo; xét việc thu thập chứng cứ của cơ quan điều tra là khách quan, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Vì vụ lợi nên ngày 23-01-2021 Trương Văn T đã tổ chức cho 03 người Việt Nam xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc qua khu vực mốc 732 thuộc xã Q, huyện K, tỉnh Cao Bằng với số tiền công là 200 CNY (nhân dân tệ)/người. Tuy nhiên, T chưa đưa được người sang Trung Quốc thì đã bị công an huyện K phát hiện, ngăn chặn.

Xét thấy hành vi của Trương Văn T đón đưa người để vượt biên sang Trung Quốc làm thuê mà không làm thủ tục xuất, nhập cảnh theo quy định của pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vì động cơ vụ lợi. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của Trương Văn T đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy

tổ Trương Văn T về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án này, bị cáo là người trực tiếp được đối tượng sử dụng tài khoản Wechat “Bin” liên hệ thuê để đón và đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, bị cáo đã thực hiện hành vi tổ chức đón và đưa người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để được hưởng lợi về tiền; bị cáo đã thuê Trương Tuấn A và Trương Văn B là những người thân trong gia đình để đi đón người.

Nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do điều kiện kinh tế khó khăn, tại địa phương không có việc làm ổn định, bị cáo là người địa phương, thông thạo địa hình biên giới nên có điều kiện thực hiện hành vi phạm tội; xuất phát từ nhu cầu đi sang Trung Quốc lao động của một số công dân; nhận thức pháp luật của bị cáo và những người đi lao động còn tồn tại nhiều hạn chế, dễ bị lôi kéo, dụ dỗ, biết hành vi của bản thân vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện để được hưởng lợi về kinh tế.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh gây ảnh hưởng xấu đến việc giữ gìn an ninh chính trị tại khu vực biên giới, gây mất trật tự trị an địa phương; làm tăng nguy cơ lây nhiễm dịch bệnh COVID-19 nhất là trong tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp. Việc bị cáo tự ý tổ chức cho người khác qua biên giới lao động, làm thuê không có sự kiểm soát của các cơ quan chức năng dẫn đến quyền lợi của người lao động không được bảo vệ, tiềm ẩn nguy cơ phát sinh các loại tội phạm cũng như làm phát sinh nhiều vấn đề an ninh trật tự phức tạp.

Do vậy, việc đưa bị cáo ra truy tố, xét xử trước pháp luật là cần thiết, nhằm mục đích răn đe giáo dục riêng đối với bị cáo và phục vụ công tác đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo Trương Văn T có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội; do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với ý kiến của Người bào chữa đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ Người phạm tội tự thú theo quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là không có căn cứ chấp nhận vì bị cáo không tự mình đến cơ quan Công an khai nhận hành vi trước khi bị phát hiện mà khi Tuấn A và B bị bắt giữ khai ra.

Do hành vi tổ chức đón, đưa người khác xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc của bị cáo chưa thực hiện được, nên thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt, cần áp dụng Điều 15, khoản 3 Điều 57 của Bộ luật Hình sự.

Xét thấy mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị là nghiêm khắc; xét ý kiến người bào chữa đề nghị về hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, có căn cứ pháp luật cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 348 của Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”*, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo vì bị cáo nghề nghiệp làm ruộng, không có thu nhập ổn định và trong vụ án này bị cáo chưa nhận được số tiền hưởng lợi.

[5] Về xử lý vật chứng: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu hồng đã qua sử dụng là có căn cứ chấp nhận.

[6]. Về những vấn đề khác:

Liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, có người đàn ông Việt Nam dùng tài khoản Wechat “Bin” nhưng T không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này nên Cơ quan điều tra không có điều kiện xác minh, làm rõ.

Đối với Trương Văn B và Trương Tuấn A được T thuê đến thị trấn T đón và chở người về nhà cho T để nhận tiền công. Tuy nhiên B và Tuấn A không biết mục đích T đón và đưa 03 người này về nhà để làm gì nên không đủ căn cứ để xử lý hình sự đối với B và Tuấn A.

Đối với 03 công dân có mục đích xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc để làm thuê, Cơ quan điều tra đã đề nghị chính quyền địa phương có biện pháp tuyên truyền, giáo dục pháp luật, không để tái diễn hành vi này.

[7] Về án phí: Bị cáo Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trương Văn T phạm tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 3 Điều 57; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Trương Văn T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước đối với bị cáo: 01 (một) điện thoại di động OPPO màu hồng đã qua sử dụng. Số Imeil: 86709037883253; số Imel 2: 86709037883246.

Xác nhận số vật chứng nêu trên đã được chuyển giao cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng tại Biên bản giao nhận vật chứng số 118 ngày 07 tháng 7 năm 2021.

3. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Trương Văn T có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ công an tỉnh;
- Sở Tư pháp CB;
- Cục THA dân sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Biên Hoà